

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/HS-ST
Ngày 12-01-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Khoa Nam

Ông Tạ Đình Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 76/2023/TLST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2023/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2023, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1988 tại Thanh Hoá;
Nơi cư trú: Khu phố 4, phường L, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Không; T độ văn hoá (học vấn) 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Th và bà Lê Thị V; Vợ Dương Thị T1 (đã ly hôn) và con Nguyễn Thiện Nh sinh năm 2017; Tiền án: 04 (Ngày 08/9/2012 bị Tòa án nhân dân thị xã Phước Long xử phạt 03 năm tù về Tội mua bán trái phép chất ma túy theo bản án số 63/2012/HSST, ngày 15/11/2017 bị Tòa án nhân dân thị xã Phước Long xử phạt 01 năm tù về Tội trộm cắp tài sản theo bản án số 01/2017/HSST, ngày 01/4/2019 bị Tòa án nhân dân thị xã Phước Long xử phạt 02 năm 03 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản theo bản án số 16/2019/HSST, ngày 18/3/2022 bị Tòa án nhân dân thị xã Phước Long xử phạt 06 tháng tù về Tội trộm cắp theo bản án số 08/2022/HSST); Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 11/12/2014 và ngày 28/5/2021 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L áp dụng biện pháp giáo dục tại phường về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/9/2023 cho đến nay và có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Trương Quang T2, sinh năm 1988, trú tại: Khu phố 4, phường L, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Xuân D, sinh năm 1984, trú tại: Khu phố 1, phường Thác Mơ, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án

được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 08/9/2023, bị cáo T đi bộ đến trước cổng nhà anh Trương Quang T2 thuộc khu phố 4, phường L, thị xã Phước Long thì thấy trong sân nhà anh T2 chỉ có 01 người thợ đang hàn cửa sắt quay mặt vào trong nên bị cáo T đã lên vào trong sân ôm 01 bó sắt gồm 20 cây chỉ nẹp khung cửa hình tam giác có hai cạnh vuông 01cm, dài 03m được buộc hai đầu bằng dây kẽm đang dựng ở sát mép cổng rào về nhà để cất giấu. Đến khoảng 17 giờ ngày 09/9/2023, T mang bó sắt lấy từ nhà anh T2 đến cửa hàng kinh doanh vật liệu xây dựng của anh Lê Xuân D bán với giá 200.000 đồng, số tiền này bị cáo đã sử dụng hết vào mục đích cá nhân. Đến 20 giờ 30 phút ngày 09/9/2023, biết sự việc trộm cắp đã bị phát hiện nên bị cáo đã đến Công an phường L đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Phước Long đã thu giữ từ anh Lê Xuân D 01 bó sắt gồm 20 cây có hình tam giác, kích thước mỗi mặt là 01cm, dài 03m, chưa qua sử dụng.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 19/HĐ.ĐGTSTTHS.23 ngày 15/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Phước Long kết luận: giá trị 01 bó sắt chỉ nẹp hình tam giác (gồm 20 cây) dài 03m chưa qua sử dụng tại thời điểm ngày 08/9/2023 là 285.000 đồng.

Ngày 12/9/2023, Nguyễn Văn T bị khởi tố bị can để điều tra.

Bản cáo trạng số 73/CT-VKS ngày 24/11/2023, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long đã truy tố Nguyễn Văn T về Tội trộm cắp tài sản theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát thực hiện quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo T về Tội trộm cắp tài sản; bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là Tái phạm, có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo và đầu thú.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, tuyên bị cáo T phạm tội trộm cắp tài sản và xử phạt bị cáo từ 20 tháng tù đến 24 tháng tù.

Vật chứng và trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra đã xử lý xong nên không đề cập.

- Bị cáo T tự bào chữa: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố và không có ý kiến tranh luận gì.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, xử bị cáo mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm được trở về chăm lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Phước Long, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long, Kiểm sát viên trong quá T điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

2] Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy trong quá trình điều tra đã có đầy đủ lời khai, ý kiến của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá T điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 16 giờ ngày 08/9/2023, tại sân nhà anh Trương Quanh T2 thuộc khu phố 4, phường L, thị xã Phước Long, bị cáo T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại T2 là 01 bó sắt gồm 20 cây có hình tam giác, kích thước mỗi mặt là 01cm, dài 03m, chưa qua sử dụng có giá trị 285.000 đồng. Tuy giá trị tài sản chiếm đoạt dưới mức truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng bị cáo T đã bị kết án về Tội trộm cắp tài sản theo các bản án số 01/2017/HSST, 16/2019/HSST và 08/2022/HSST, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm. Vì vậy, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành Tội trộm cắp tài sản theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm mục đích tư lợi cá nhân. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình và Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long truy tố bị cáo về Tội trộm cắp tài sản theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Ngày 08/9/2012, bị cáo bị Tòa án nhân dân thị xã Phước Long xử phạt 03 năm tù về Tội mua bán trái phép chất ma túy theo bản án số 63/2012/HSST; Ngày 15/11/2017, bị Tòa án nhân dân thị xã Phước Long xử phạt 01 năm tù về Tội trộm cắp tài sản theo bản án số 01/2017/HSST; Ngày 01/4/2019, bị Tòa án nhân dân thị xã Phước Long xử phạt 02 năm 03 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản theo bản án số 16/2019/HSST và ngày 18/3/2022, bị Tòa án nhân dân thị xã Phước Long xử phạt 06 tháng tù về Tội trộm cắp theo bản án số 08/2022/HSST. Các bản án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xoá án tích đã được xác định là tình tiết định tội theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự đối với lần phạm tội lần này nên không xem xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đối với lần kết án về Tội mua bán trái phép chất ma túy theo bản án số 63/2012/HSST, bị cáo chưa được xoá án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp Tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, ra đầu thú, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự và được xem xét khi quyết định mức hình phạt cho bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì nên Hội đồng không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Xuân D là người mua tài sản từ bị cáo nhưng không biết đó tài sản do chiếm đoạt mà có và không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền mua bán nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về vật chứng vụ án:

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Phước Long đã trả lại cho bị hại tài sản do bị cáo chiếm đoạt là đúng quy định pháp luật.

[8] Quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; các điều 38, 50 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm Tội trộm cắp tài sản.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/9/2023.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (12/01/2024).

Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- CQ CSĐT Công an Tx. Phước Long;
- Chi cục THADS thị xã Phước Long;
- Bị cáo; Bị hại; NLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Bích Vân